

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG 6

# BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN THỦ ĐỨC

(Ban hành kèm Quyết định số 102/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000đồng/m<sup>2</sup>

| STT | TÊN ĐƯỜNG                                                      | ĐOẠN ĐƯỜNG                      |                      | GIÁ   |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|-------|
|     |                                                                | TỪ                              | ĐẾN                  |       |
| 1   | 2                                                              | 3                               | 4                    | 5     |
| 1   | BÀ GIANG                                                       | QUỐC LỘ 1K                      | RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG | 1,500 |
| 2   | BÌNH CHIỂU                                                     | TỈNH LỘ 43                      | RANH QUÂN ĐOÀN 4     | 2,300 |
| 3   | BỒI HOÀN                                                       | LINH TRUNG                      | QUỐC LỘ 1A           | 1,300 |
| 4   | CÂY KEO                                                        | TÔ NGỌC VÂN                     | CUỐI ĐƯỜNG           | 2,200 |
| 5   | CHƯƠNG DƯƠNG                                                   | VÕ VĂN NGÂN                     | KHA VẠN CÂN          | 2,400 |
| 6   | ĐẶNG THỊ RÀNH                                                  | TRỌN ĐƯỜNG                      |                      | 3,300 |
| 7   | ĐẶNG VĂN BI                                                    | VÕ VĂN NGÂN                     | NGUYỄN VĂN BÁ        | 3,500 |
| 8   | ĐÀO TRINH NHẤT                                                 | KHA VẠN CÂN                     | RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG | 2,200 |
| 9   | ĐOÀN CÔNG HỒN                                                  | TRỌN ĐƯỜNG                      |                      | 5,500 |
| 10  | ĐƯỜNG SỐ 1 VÀ ĐƯỜNG SỐ 3<br>(ĐƯỜNG CHỮ U), PHƯỜNG LINH<br>XUÂN | QUỐC LỘ 1K                      | CUỐI ĐƯỜNG           | 1,800 |
| 11  | ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG HIỆP<br>BÌNH CHÁNH                          | QUỐC LỘ 13                      | CUỐI ĐƯỜNG           | 2,800 |
| 12  | ĐƯỜNG SỐ 2 (PHƯỜNG LINH<br>TRUNG)                              | TRỌN ĐƯỜNG                      |                      | 2,100 |
| 13  | ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG<br>TRƯỜNG THỌ                               | NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HÀ<br>NỘI) | CUỐI ĐƯỜNG           | 1,900 |
| 14  | ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LINH<br>XUÂN                                | QUỐC LỘ 1K                      | CUỐI ĐƯỜNG           | 1,800 |
| 15  | ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG<br>TRƯỜNG THỌ                               | ĐẶNG VĂN BI                     | CUỐI ĐƯỜNG           | 1,900 |

|    |                                                   |                        |                              |              |
|----|---------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|--------------|
| 16 | ĐƯỜNG SỐ 4 (LINH TÂY),<br>PHƯỜNG LINH TÂY         | NGUYỄN VĂN LỊCH        | NGÃ BA ĐÌNH THẦN LINH<br>TÂY | 1,600        |
| 17 | ĐƯỜNG SỐ 6 PHƯỜNG LINH<br>CHIỂU                   | HOÀNG DIỆU             | VỖ VĂN NGÂN                  | 3,300        |
| 18 | ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH<br>TRUNG                  | LINH TRUNG             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,200        |
| 19 | ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH<br>TRUNG                  | LINH TRUNG             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,200        |
| 20 | ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LINH<br>TRUNG                  | HOÀNG DIỆU             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,200        |
| 21 | ĐƯỜNG SỐ 8 (ĐƯỜNG XUÂN<br>HIỆP), PHƯỜNG LINH XUÂN | QUỐC LỘ 1K             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 1,800        |
| 22 | <b>ĐƯỜNG SỐ 8 (PHƯỜNG<br/>TRƯỜNG THỌ)</b>         | <b>TRỌN ĐƯỜNG</b>      |                              | <b>1,900</b> |
| 23 | <b>ĐƯỜNG SỐ 9 (PHƯỜNG<br/>TRƯỜNG THỌ)</b>         | <b>TRỌN ĐƯỜNG</b>      |                              | <b>1,900</b> |
| 24 | ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH<br>TÂY                    | KHA VẠN CÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,600        |
| 25 | ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG TAM<br>BÌNH                    | TÔ NGỌC VÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,100        |
| 26 | ĐƯỜNG SỐ 11 (TRƯỜNG TRE)                          | NGÃ 3 ĐƯỜNG BÀ GIANG   | RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG         | 2,000        |
| 27 | <b>ĐƯỜNG SỐ 11 (PHƯỜNG<br/>TRƯỜNG THỌ)</b>        | <b>HỒ VĂN TƯ</b>       | <b>CẦU PHỐ NHÀ TRÀ</b>       | <b>2,200</b> |
|    |                                                   | <b>CẦU PHỐ NHÀ TRÀ</b> | <b>ĐƯỜNG TRƯỜNG THỌ</b>      | <b>1,500</b> |
| 28 | ĐƯỜNG SỐ 12 (ĐƯỜNG CẦU BÀ<br>CÁ)                  | TRỌN ĐƯỜNG             |                              | 2,200        |
| 29 | ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LINH<br>TÂY                   | KHA VẠN CÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,900        |
| 30 | ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH<br>TRUNG                 | LÊ VĂN CHÍ             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 1,300        |
| 31 | ĐƯỜNG SỐ 17 PHƯỜNG LINH<br>CHIỂU                  | HOÀNG DIỆU             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,600        |
| 32 | ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG HIỆP<br>BÌNH PHƯỚC            | QUỐC LỘ 13             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,200        |
| 33 | ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH<br>TRUNG                 | QUỐC LỘ 1A             | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,300        |
| 34 | ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG HIỆP<br>BÌNH CHÁNH            | KHA VẠN CÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,400        |
| 35 | ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LINH<br>ĐÔNG                     | LINH ĐÔNG              | CUỐI ĐƯỜNG                   | 1,700        |
| 36 | ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG HIỆP<br>BÌNH CHÁNH            | KHA VẠN CÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,400        |
| 37 | ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG LINH<br>ĐÔNG                  | TÔ NGỌC VÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,400        |
| 38 | ĐƯỜNG SỐ 36 (BẾN ĐÒ),<br>PHƯỜNG LINH ĐÔNG         | KHA VẠN CÂN            | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,400        |
| 39 | ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP<br>BÌNH CHÁNH            | HIỆP BÌNH              | CUỐI ĐƯỜNG                   | 2,100        |
| 40 | DÂN CHỦ (PHƯỜNG BÌNH THỌ)                         | TRỌN ĐƯỜNG             |                              | 4,000        |
| 41 | DƯƠNG VĂN CAM                                     | TRỌN ĐƯỜNG             |                              | 3,300        |

|    |                                                 |                                                      |                                  |       |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|-------|
| 42 | GÒ DỪA (HƯỚNG LỘ 25 PHƯỜNG TAM BÌNH)            | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 2,200 |
| 43 | HIỆP BÌNH                                       | KHA VẠN CÂN                                          | QUỐC LỘ 13                       | 3,100 |
| 44 | HỒ VĂN TƯ                                       | NGÃ 3 KHA VẠN CÂN                                    | NGÃ 3 ĐOÀN CÔNG HỒN              | 4,400 |
|    |                                                 | NGÃ 3 ĐOÀN CÔNG HỒN                                  | CUỐI ĐƯỜNG                       | 4,000 |
| 45 | HOÀNG DIỆU                                      | KHA VẠN CÂN                                          | LÊ VĂN CHỈ                       | 4,000 |
| 46 | KHA VẠN CÂN                                     | NGÃ 5 CHỢ THỦ ĐỨC                                    | CẦU NGANG                        | 8,800 |
|    |                                                 | CẦU NGANG                                            | CẦU GÒ DỪA                       |       |
|    |                                                 |                                                      | BẾN CỎ ĐƯỜNG SẮT                 | 2,400 |
|    |                                                 |                                                      | BẾN KHÔNG CỎ ĐƯỜNG SẮT           | 3,400 |
|    |                                                 | CẦU GÒ DỪA                                           | CẦU BÌNH LỢI                     |       |
|    |                                                 |                                                      | BẾN CỎ ĐƯỜNG SẮT                 | 2,400 |
|    |                                                 |                                                      | BẾN KHÔNG CỎ ĐƯỜNG SẮT           | 3,400 |
|    |                                                 | NGÃ 5 CHỢ THỦ ĐỨC                                    | NGÃ 4 LINH XUÂN                  | 3,700 |
| 47 | KHU LÀNG ĐẠI HỌC (PHƯỜNG BÌNH THỌ)              | CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ TÊN KHU LÀNG ĐẠI HỌC (TRỌN ĐƯỜNG) |                                  | 3,100 |
| 48 | LAM SƠN                                         | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 3,500 |
| 49 | LÊ THỊ HOA, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU                   | TỈNH LỘ 43                                           | QUỐC LỘ 1A                       | 1,800 |
| 50 | LÊ VĂN CHỈ                                      | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 2,300 |
| 51 | LÊ VĂN NINH                                     | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 9,900 |
| 52 | LÊ VĂN TÁCH                                     | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 3,300 |
| 53 | LINH ĐÔNG                                       | KHA VẠN CÂN                                          | TÔ NGỌC VÂN                      | 2,800 |
| 54 | LINH TRUNG                                      | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 2,400 |
| 55 | LÝ TẾ XUYỀN                                     | LINH ĐÔNG                                            | CUỐI ĐƯỜNG                       | 1,500 |
| 56 | NGÔ CHÍ QUỐC (ĐƯỜNG GÒ ĐÌNH, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU) | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 1,800 |
| 57 | NGUYỄN VĂN BÁ (PHƯỜNG BÌNH THỌ, TRƯỜNG THỌ)     | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 4,000 |
| 58 | NGUYỄN VĂN LỊCH (NGUYỄN TRÃI CỪ)                | TRỌN ĐƯỜNG                                           |                                  | 2,200 |
| 59 | PHÚ CHÂU                                        | QUỐC LỘ 1A                                           | TÔ NGỌC VÂN                      | 1,800 |
| 60 | QUỐC LỘ 13 CŨ                                   | QUỐC LỘ 13 MỚI                                       | QUỐC LỘ 1A                       | 2,600 |
|    |                                                 | QUỐC LỘ 1A                                           | CUỐI ĐƯỜNG                       | 2,200 |
| 61 | QUỐC LỘ 13 MỚI                                  | CẦU BÌNH TRIỆU                                       | CẦU ÔNG DẦU                      | 4,000 |
|    |                                                 | CẦU ÔNG DẦU                                          | NGÃ 4 BÌNH PHƯỚC                 | 3,500 |
|    |                                                 | NGÃ 4 BÌNH PHƯỚC                                     | CẦU VĨNH BÌNH                    | 3,300 |
| 62 | QUỐC LỘ 1A                                      | CẦU BÌNH PHƯỚC                                       | NGÃ 4 LINH XUÂN                  | 3,500 |
|    |                                                 | NGÃ 4 LINH XUÂN                                      | XA LỘ HÀ NỘI                     | 3,200 |
| 63 | QUỐC LỘ 1K (KHA VẠN CÂN CŨ)                     | NGÃ 4 LINH XUÂN                                      | SUỐI NHUM (RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG) | 2,400 |
| 64 | TAM BÌNH                                        | TÔ NGỌC VÂN                                          | HIỆP BÌNH                        | 1,600 |
| 65 | TAM HÀ                                          | TÔ NGỌC VÂN                                          | PHÚ CHÂU                         | 2,800 |
| 66 | TAM CHÂU (TAM PHÚ-TAM BÌNH)                     | PHÚ CHÂU                                             | CUỐI ĐƯỜNG                       | 2,200 |

|    |                                          |                                |                                |       |
|----|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------|
| 67 | THÔNG NHẤT, DÂN CHỦ<br>(PHƯỜNG BÌNH THỌ) | TRỌN ĐƯỜNG                     |                                | 4,000 |
| 68 | TỈNH LỘ 43                               | NGÃ 4 GÒ DỪA                   | RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG           | 2,300 |
| 69 | TÔ NGỌC VÂN                              | KHA VẠN CÂN                    | NGÃ 3 TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN) | 4,000 |
|    |                                          | NGÃ 3 TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN) | QUỐC LỘ 1A                     | 3,300 |
| 70 | TÔ VINH DIỆN                             | VÕ VĂN NGÂN                    | HOÀNG DIỆU                     | 3,500 |
| 71 | TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN)                 | TRỌN ĐƯỜNG                     |                                | 2,000 |
| 72 | TRƯƠNG VĂN NGƯ                           | TRỌN ĐƯỜNG                     |                                | 3,100 |
| 73 | TRƯỜNG THỌ (LÊ VĂN KHÔI)                 | XA LỘ HÀ NỘI                   | NGÃ 4 ĐƯỜNG PHỐ NHÀ TRÀ        | 2,400 |
|    |                                          | NGÃ 4 ĐƯỜNG PHỐ NHÀ TRÀ        | KHA VẠN CÂN                    | 2,000 |
| 74 | VÕ VĂN NGÂN (HOÀNG DIỆU 1 CŨ)            | KHA VẠN CÂN                    | NGÃ 4 THỦ ĐỨC                  | 8,800 |
| 75 | XA LỘ HÀ NỘI (QUỐC LỘ 52)                | CẦU RẠCH CHIỀC                 | NGÃ 4 THỦ ĐỨC                  | 2,900 |
|    |                                          | NGÃ 4 THỦ ĐỨC                  | RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG           | 2,300 |

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

